

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: Sản phẩm Tết xuân Nhâm Dần 2022

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI



Trần Thị Bảo Quế

Chương I. CHỈ DẪN CHUNG

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).
2. MB mời các nhà cung cấp (NCC) tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm: “**Ấn phẩm Tết xuân Nhâm Dần 2022**”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của HSYC này.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói mua sắm này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. NCC phải nộp đơn chào hàng và Bảng giá chào theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, 02a, 02b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của NCC sẽ bị loại.
3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất (HSDX)

HSDX do NCC chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng giá chào theo Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có);
3. Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật theo Mẫu số 03;
4. Hồ sơ năng lực gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Giấy phép hoạt động in;
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Các giấy tờ chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ của xưởng in;
- Hợp đồng mua bán máy móc;
- Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020;
- Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Mục 2 Chương II.
- Cam kết đáp ứng các điều khoản chính trong Hợp đồng theo yêu cầu tại Chương IV.

5. Các nội dung cần thiết khác:

- NCC tham dự gửi kèm 01 bộ sản phẩm mẫu hoàn chỉnh, tỷ lệ 1:1 theo đúng yêu cầu kỹ thuật được nêu trong HSYC tại Mục 4 Chương II.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. NCC phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử cho Đơn vị mua sắm trước 15h00 ngày 21/10/2021 (thời điểm hết hạn nộp HSDX) theo địa chỉ:

- Phòng Mua sắm và Quản lý Tài sản - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Địa chỉ: Tầng 07, tòa nhà MB 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Đầu mối tiếp nhận: Vũ Thị Huyền Trang
- Điện thoại: 0988 66 68 69 Email: trangvth2@mbbank.com.vn

Các HSDX được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

2. Trong quá trình đánh giá các HSDX, Đơn vị mua sắm có thể mời NCC có HSDX đạt yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt NCC được lựa chọn ký hợp đồng

NCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX đáp ứng các yêu cầu trong HSYC;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt ngân sách gói mua sắm được duyệt.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI MUA SẮM

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	+ 01 bản gốc, 01 bản sao. + 01 bản copy bằng USB: (USB lưu toàn bộ HSDX, riêng bảng giá phải lưu dạng file Microsoft Excel)
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/sao y của đơn vị)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDX, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng các hợp đồng tương tự như hợp đồng của gói mua sắm này với tư cách nhà cung cấp chính tại Việt Nam	≥ 02 hợp đồng triển khai cung cấp ấn phẩm lịch. Giá trị mỗi hợp đồng: $\geq 6,5$ tỷ đồng; Hoặc có tối thiểu 01 Hợp đồng triển khai, cung cấp ấn phẩm lịch với giá trị $\geq 6,5$ tỷ đồng và nhiều hơn 01 Hợp đồng tương tự với tổng giá trị lớn hơn 6,5 tỷ đồng (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Trường hợp cần xác minh, MB có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc).	M
3	Năng lực tài chính	- Doanh thu năm 2018, 2019, 2020 ≥ 25 tỷ đồng. - Lợi nhuận năm 2018, 2019, 2020 > 0 . - NCC nộp Bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020	M

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
4	Thiết bị máy móc, nhà xưởng phục vụ công tác in ấn	NCC có đầy đủ máy móc, nhà xưởng để chủ động trong việc gia công, cung ứng sản phẩm. Máy móc: đảm bảo có đầy đủ máy in khổ lớn, máy gia công (như máy bồi, bế, máy cắt laser...) năm sản xuất từ 2016 đến nay. Nhà xưởng: có giấy chứng nhận xác nhận địa điểm kinh doanh đủ điều kiện in và phòng chống cháy nổ... <i>NCC nộp Bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty Giấy phép hoạt động in; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; Các giấy tờ chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ của xưởng in; Hợp đồng mua bán máy móc... (MB sẽ cử đoàn khảo sát thực tế - nếu cần)</i>	M

3. Yêu cầu cung cấp hàng hóa:

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 40 ngày (bao gồm cả Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc trước 04/11/2021. Chi tiết được các bên thống nhất khi thương thảo Hợp đồng.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Bảo hành	Các yêu cầu khác
1	Lịch 365 ngày	-Túi lịch: 340 x 470 x 40mm. - Khánh lịch: + Khánh trên: 285mm x 230mm	20.000	1 đổi 1 trong vòng 3 ngày nếu do lỗi của nhà sản xuất	- Giao hàng tại các Chi nhánh/ Phòng giao dịch theo danh MB cung cấp trên toàn quốc. <i>(Chi tiết danh sách Chi nhánh/ PGD của MB tại Phụ lục 01 đính kèm)</i> - NCC tham dự gửi kèm 01 bộ sản phẩm mẫu hoàn chỉnh, tỷ lệ 1:1 theo đúng yêu cầu kỹ thuật được nêu trong HSYC.
2	Lịch 52 tuần	+ Khánh dưới: 285mm x 390mm - Cuốn bloc lịch: 250 x 350mm	57.000		
3	Lịch 1 tờ	Kích thước: 40x60 mm Gài ống nhựa nâu vân gỗ	5.000		
4	Lịch bàn	Kích thước (rộng x cao): 180x200mm	5.200		
5	Thiệp Tết	Kích thước thiệp: (Rộng x cao) 135mm x190mm Kích thước phong bì: (Rộng x cao) 145mm x200mm.	51.000		
6	Bao Li xi	Kích thước (Rộng x cao) 98mm x190mm	619.000		

4. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Lịch bloc 365 ngày	1. Khánh trên a) Kích thước: (Rộng x cao) 285mm x 230mm. b) Chất liệu: - Giấy Couche 150gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước, bồi ván MDF 3,9mm. Mặt sau bồi giấy Couche 150gsm nhập ngoại, nhuộm màu xanh theo pantone 286C, cán bóng. - In màng metalize 7 màu, tạo hiệu ứng ở mặt trước. c) Quy cách gia công: - Thúc nổi 3D khối hình hoa đào, logo MB theo viền định hình (theo file thiết kế đính kèm). - Phủ cát hoa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Tách nền, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) phần logo, thông tin và họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Đục lỗ tròn móc treo (theo file thiết kế đính kèm). - Liên kết với khánh dưới bằng lò xo kim loại màu bạc. 2. Khánh dưới a) Kích thước: (Rộng x cao) 285mm x 390mm. b) Chất liệu: Giấy Couche 150gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước, bồi ván MDF 3mm. Mặt sau bồi giấy Couche 150gsm nhập ngoại, nhuộm màu xanh theo mã pantone 286C, cán bóng. - In màng metalize 7 màu, tạo hiệu ứng ở mặt trước. c) Quy cách gia công: - In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Tách nền, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) họa tiết hoa 2 bên khánh, cụm địa chỉ và các logo Công ty thành viên (theo file thiết kế đính kèm). - Bế, dán, hoàn thiện sản phẩm. - Liên kết với khánh trên bằng lò xo kim loại màu bạc. 3. Bloc lịch 365 ngày a) Kích thước: - Trang bìa và ruột: (Rộng x cao) 250 x 350mm. b) Chất liệu: - Trang bìa: Giấy Couche Matte 210gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước. - Trang ruột: Giấy Couche Matte 57gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: - Trang bìa: In màng metalize 7 màu, phun cát tạo hiệu ứng mỹ thuật. - Trang ruột: In 4 màu CMYK 1 mặt. d) Quy cách gia công: - Trang bìa: + Cán, phủ mờ. + Tách nền, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) phần logo, cụm chữ, số (theo file thiết kế đính kèm). + Phủ cát họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). + In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). + Ốc đầu dù thông minh, bắt cố định cuốn Bloc và khánh lịch dưới. 4. Túi đựng lịch a) Kích thước: (ngang x cao x rộng) 340 x 470 x 40mm. b) Chất liệu: Giấy Ivory 250 gsm nhập ngoại cán màng metalize ở mặt trước. c) Quy cách in: In màng metalize 6 màu, phun cát tạo hiệu ứng mỹ thuật d) Quy cách gia công: - Cán mờ và tách nền, lộ metalize ánh bảy màu logo, cụm chữ, số (theo thiết kế) - Phủ cát họa tiết (theo thiết kế)

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
		- <u>In nội Pattern (theo thiết kế)</u> - <u>Bề răng cửa mép trên túi</u> - <u>Dây túi chất liệu giấy xoắn, dán cố định</u> - Bế, dán, hoàn thiện sản phẩm
2	Lịch bloc 52 tuần	1. Khánh trên a) Kích thước: (Rộng x cao) 320mm x 250mm. b) Chất liệu: - Giấy Couche 150gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước, bồi ván MDF 3mm. Mặt sau bồi giấy Couche 150gsm nhập ngoại, nhuộm màu xanh theo pantone 286C, cán bóng. - In màng metalize 7 màu, tạo hiệu ứng ở mặt trước. c) Quy cách gia công: - <u>Thúc nổi 3D</u> khối hình hoa đào logo MB theo viền định hình (theo file thiết kế đính kèm). - <u>Phủ cát hoa tiết</u> (theo file thiết kế đính kèm). - <u>Tách nền</u>, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) phần logo, thông tin và họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - <u>In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết</u> (theo file thiết kế đính kèm). - Đục lỗ tròn móc treo (theo file thiết kế đính kèm). - Liên kết với khánh dưới bằng lò xo kim loại màu bạc. 2. Khánh dưới a) Kích thước: (Rộng x cao) 320mm x 435mm. b) Chất liệu: Giấy Couche 150gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước, bồi ván MDF 3mm. Mặt sau bồi giấy Couche 150gsm nhập ngoại, nhuộm màu xanh theo mã pantone 286C, cán bóng. - In màng metalize 7 màu tạo hiệu ứng ở mặt trước. c) Quy cách gia công: - In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Tách nền, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) họa tiết hoa 2 bên khánh, cụm địa chỉ và các logo Công ty thành viên (theo file thiết kế đính kèm). - Bế, dán, hoàn thiện sản phẩm. - Liên kết với khánh trên bằng lò xo kim loại màu bạc. 3. Bloc lịch 53 tuần a) Kích thước: - Trang bìa và ruột: (Rộng x cao) 263 x 390mm. b) Chất liệu: - Trang bìa: Giấy Couche Matte 210gsm nhập ngoại, cán màng metalize 7 màu (màng trơn) ở mặt trước. - Trang ruột: Giấy Couche Matte 120gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: - Trang bìa: In màng metalize 7 màu, phun cát tạo hiệu ứng mỹ thuật. - Trang ruột: In 4 màu CMYK 1 mặt. d) Quy cách gia công: - Trang bìa: + Cán, phủ mờ. + Tách nền, lộ metalize ánh bảy màu (hologram) phần logo, cụm chữ, số (theo file thiết kế đính kèm). + Phủ cát họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). + In, tạo hiệu ứng nổi họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). + Nẹp lịch bằng kim loại mạ màu bạc như màu khánh lịch trên. + Ốc đầu dù thông minh, bắt cố định cuốn Bloc và khánh lịch dưới. 4. Túi đựng lịch a) Kích thước: (ngang x cao x rộng) 340 x 470 x 40mm. b) Chất liệu: Giấy Duplex 300 gsm nhập ngoại.

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
		c) Quy cách in: In 5 màu CMYK trên mặt ngoài túi. d) Quy cách gia công: - Cán mờ mặt ngoài. - Ép nhũ logo MB, cụm chữ và icon theo mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu). - UV định hình phần hoạ tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Bế, dán, oze, đục lỗ, quai xách. - Xò dây (dây màu trắng, dạng dây tròn), hoàn thiện sản phẩm.
3	Lịch bàn	1. Lịch bàn: a) Kích thước: (Rộng x cao) 180 x 200mm b) Chất liệu: - Trang bìa: (1 tờ) Giấy Ivory 250gsm nhập ngoại. - Trang ruột: (12 tờ) Giấy Couche matt 200gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: Trang bìa và ruột: In 4 màu CMYK trên 2 mặt. d) Quy cách gia công: - Trang bìa: + Cán mờ mặt bóng. + Ép nhũ bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) cụm hoạ tiết (theo file thiết kế đính kèm). - Đục lỗ, xâu lò xo màu trắng với đế lịch. 2. Đế lịch: a) Kích thước: - Kích thước thành phẩm: (Rộng x cao) 180 x 220mm - Kích thước dưới: (Rộng x cao) 220 x 565mm b) Chất liệu: Giấy Couche matt 150gsm nhập ngoại, bồi carton lạnh 2mm. c) Quy cách in: in 4 màu CMYK d) Quy cách gia công: - Cán mờ mặt ngoài. - Bồi carton lạnh 2mm. - Ép nhũ bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) logo và cụm thông tin (theo file thiết kế đính kèm). 3. Phong bì đựng lịch: a) Kích thước: - Kích thước thành phẩm: (Rộng x cao) 220 x 265mm - Kích thước dưới: (Rộng x cao) 452 x 387mm b) Chất liệu: Ivory 250gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: in 4 màu CMYK trên mặt bóng. d) Quy cách gia công: - Cán mờ mặt bóng - Ép nhũ bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) cụm hoạ tiết - Bế tai gài, xén, hoàn thiện sản phẩm
4	Lịch 1 tờ	a) Kích thước: (Rộng x cao) 400 x 600mm b) Chất liệu: Giấy Couche matt 150gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: in 4 màu CMYK 1 mặt d) Quy cách gia công: Xén xâu lịch vào 2 ống sáo treo vân gỗ trên và dưới. 2 đầu có dây dù treo (Dây đồng màu với ống sáo treo). Đóng túi nylon 1 bộ/ túi.
5	Thiệp chúc Tết	a) Kích thước: - Tổng thể: (Rộng x cao) 270mm x 190mm. - Thành phẩm: (Rộng x cao) 135mm x 190mm. b) Chất liệu: Giấy Ivory 250gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: In 4 màu CMYK d) Quy cách gia công: Ép nhũ bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) cụm hoạ tiết và nội dung (theo file thiết kế đính kèm), cán mờ 1 mặt. Xén, bo góc, bế gấp đôi, hoàn thiện sản phẩm.
6	Phong bì thiệp chúc Tết	a) Kích thước: - Tổng thể: (Rộng x cao) 305mm x 253mm. - Thành phẩm: (Rộng x cao) 145mm x 200mm. b) Chất liệu: Giấy Safari White 150gsm nhập ngoại. c) Quy cách in: In 4 màu CMYK

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
		d) Quy cách gia công: Ép nhũ bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) cụm họa tiết (theo file thiết kế đính kèm). Bể thùng, bể, dán và hoàn thiện sản phẩm.
7	Lì xì	a) Kích thước: - Tổng thể: (Rộng x cao) 206mm x 240mm. - Thành phẩm: (Rộng x cao) 98mm x190mm. b) Chất liệu: Giấy Eco Premium nhập ngoại, định lượng 120gsm. c) Quy cách in: In màu đỏ pha trên 1 mặt. d) Quy cách gia công: - Cán mờ một mặt - Ép nhũ màu bạc mã B2014 (nhũ bạc ánh 7 màu) các cụm chữ và họa tiết - Bể, dán thành phẩm, tai gài, hoàn thiện sản phẩm. - Túi đựng bằng nilon. 10 cái/ túi .

Ghi chú: Tài liệu đính kèm:

- Phụ lục 01 - Danh sách Chi nhánh/ PGD MB và Số lượng phân bổ dự kiến năm 2022;
- Phụ lục 02 - Tổng quan thiết kế bộ ấn phẩm Tết MB 2022;
- Phụ lục 03 - Hình ảnh sử dụng trong bộ ấn phẩm Tết MB 2022;

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là NCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói mua sắm mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của NCC
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của NCC

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Thời gian bảo hành	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
							
n	Hàng hoá thứ n						Mn
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí vận chuyển, thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 02b. Khi tham gia chào hàng rộng rãi, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSĐX theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nội dung	Yêu cầu của HSYC	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Ghi chú và tài liệu tham chiếu (nếu có)
1				Đáp ứng/ Không đáp ứng	
2			M/O		
3			M/O		

Đại diện hợp pháp của NCC
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản (*phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm của Bên A*). Thanh toán làm hai lần:

Lần 1 - Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;
- + Thư bảo lãnh tạm ứng.

Lần 2 - Quyết toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán theo số lượng thực tế giao nhận trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Biên bản bàn giao tại điểm giao hàng;
- + Biên bản nghiệm thu tổng thể do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ.

2. Quy định về các giấy tờ, hồ sơ thanh toán:

- **Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán:** Ghi rõ nội dung cần tạm ứng, thanh toán, số tiền chính xác bằng số, bằng chữ, tên đơn vị thụ hưởng.
- **Bảo lãnh tạm ứng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị tiền tạm ứng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh bằng 10% tổng giá trị Hợp đồng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng.
- **Biên bản bàn giao, nghiệm thu:** Đây là biên bản xác nhận công tác bàn giao, hoàn thiện công việc theo biểu mẫu của Bên A cung cấp trước khi tiến hành bàn giao và nghiệm thu. Trên đó phải thể hiện các nội dung: Danh mục hàng hóa, số lượng đã bàn giao, thời gian, địa điểm bàn giao. Bắt buộc trên biên bản này phải có chữ ký, dấu xác nhận của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của Bên A - nơi bàn giao hàng hóa.

II. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ PHẠT VI PHẠM

NCC phải cung cấp, bàn giao hàng hóa trong vòng 40 ngày (bao gồm cả Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc trước 04/11/2021. Chi tiết được các bên thống nhất khi thương thảo Hợp đồng.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có)

PHỤ LỤC 01 – DANH SÁCH CHI NHÁNH/ PGD MB VÀ SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ DỰ KIẾN NĂM 2022

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
I. CHI NHÁNH					17.125	45.779	2.918	532.410	-	47.840
1	VN0010086	CN Ba Đình	Hà Nội	Số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	202	660	35	7.870		685
2	VN0010033	PGD Vĩnh Phúc I	Hà Nội	Tầng 1 và tầng 2 số 102, 103, 203 nhà K2, khu 7.2 HA Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội.	21	77	7	630		73
3	VN0010034	PGD Đội Cấn	Hà Nội	Số 144, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	34	57	6	750		66
4	VN0010051	CN Điện Biên Phủ	Hà Nội	Số 28A Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	294	1.070	83	11.560		1.175
5	VN0010070	Thụy Khuê	Hà Nội	Một phần tầng 1 vị trí L1-A-B tại dự án Tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại, căn hộ và khu đỗ xe công cộng tại số 69B phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.	58	113	10	1.340		126
6	VN0010052	Lý Nam Đế	Hà Nội	Số 14C Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	91	186	28	2.060		210
7	VN0010062	Giảng Võ	Hà Nội	Một phần tầng 1, tòa nhà TTTM Chợ Mơ, 459C phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	81	144	24	1.830		164
8	VN0010073	Hà Thành	Hà Nội	Số 192A/1 và 192A/2 phố Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	69	115	17	1.520		137
9	VN0010081	PGD Trúc Bạch	Hà Nội	Số 20, phố Nguyễn Trường Tộ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	13	61	5	550		43
10	VN0010031	CN Đông Anh	Hà Nội	Tầng 1,2,3 Tòa nhà Trung tâm Du lịch và Thương mại Tổng hợp Cổ Loa, Tổ 3 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	81	279	22	2.790		271
11	VN0010036	PGD Sóc Sơn	Hà Nội	Một phần thửa đất Khu 1, Khu 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	19	74	1	900		76
12	VN0010059	CN Đống Đa	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Trụ sở làm việc Trung tâm Phát thanh truyền hình Quân đội, số 165 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	93	248	41	2.280		238

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
13	VN0010077	PGD Hoàng Cầu	Hà Nội	Tầng 2,3,4 số 67 Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	22	50	6	470		51
14	VN0010069	PGD Kim Liên	Hà Nội	Phòng 8, phòng 9 nhà 132 đường Lê Duẩn TTĐS, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	21	54	0	610		52
15	VN0010075	Tây Sơn	Hà Nội	Tầng 1, 3 tòa nhà số 539 - 539A, phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	35	112	9	1.000		102
16	VN0010064	Nam Hà Nội	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 8 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	44	162	12	1.330		153
17	VN0010072	PGD Thái Thịnh	Hà Nội	Số 71 - 73 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	28	60	9	520		67
18	VN0010035	<u>CN Gia Lâm</u>	Hà Nội	Số 132 - 134 đường Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	77	159	12	2.060		187
19	VN0010065	<u>CN Hai Bà Trưng</u>	Hà Nội	Một phần tầng 1 khu văn phòng, tòa nhà Tower 1, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	189	596	41	6.650		658
20	VN0010055	Minh Khai	Hà Nội	Tầng 1, 2,3,4 số 409 tổ 52 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	66	113	6	1.600		128
21	VN0010071	PGD Văn Hồ	Hà Nội	Số 29 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	37	63	5	790		79
22	VN0010057	<u>CN Hoàn Kiếm</u>	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 tòa nhà TTXVN Số 79 phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	122	793	69	7.520		730
23	VN0010067	Trần Hưng Đạo	Hà Nội	Một phần tầng 2, tầng 5 tòa nhà số 03 phố Lương Yên "Sun Grand City Ancora Residence", phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	38	115	13	1.100		102
24	VN0010061	PGD Chợ Hôm	Hà Nội	Tầng 1,2,3 số 79-81 Trần Xuân Soạn, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.	21	62	5	560		58
25	VN0010076	Bà Triệu	Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5 tòa nhà số 18 phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	23	88	6	890		70

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
26	VN0010060	Lân Ông	Hà Nội	Số 17 phố Hàng Cân, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	55	125	22	1.250		127
27	VN0010080	Lý Thái Tổ	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 17 phố Tông Đản, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	36	97	11	1.040		88
28	VN0010056	<u>CN Hoàng Quốc Việt</u>	Hà Nội	Số 126 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	155	914	46	9.540		870
29	VN0010007	PGD Nghĩa Tân	Hà Nội	A2, Đơn nguyên 2, đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	80	63	4	1.200		116
30	VN0010012	Từ Liêm	Hà Nội	Phòng số 01, 02 tầng 1, tòa nhà "Au Viet Building" Số 1, Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	41	138	14	1.410		128
31	VN0010078	PGD Nam Thăng Long	Hà Nội	Một phần tầng 1 tòa nhà A2 Chung cư Green Star - KĐT thành phố Giao lưu - số 232 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	49	63	3	850		83
32	VN0010053	<u>CN Long Biên</u>	Hà Nội	Tầng 1, 3, 4, 5 số 137 C Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	106	249	33	2.750		244
33	VN0010066	Ngô Gia Tự	Hà Nội	Số 32, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	74	143	8	1.680		164
34	VN0010037	PGD Yên Viên	Hà Nội	Tầng 1, số 467 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	24	46	3	600		49
35	VN0010011	<u>CN Mỹ Đình</u>	Hà Nội	Tầng 1, tầng 2 nhà B, Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	105	298	39	2.670		292
36	VN0010831	PGD Đông Đô	Hà Nội	Km 12, đường 32, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	43	82	7	930		100
37	VN0010832	PGD Mỹ Đình I	Hà Nội	Kios số 03 - Lô đất I.A.IV KĐT M Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	26	75	3	690		74
38	VN0010833	Đan Phượng	Hà Nội	Km 21, Quốc Lộ 32, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.	120	185	5	2.790		244

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bản	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
39	VN0010002	<u>CN Sở Giao dịch 1</u>	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	320	1.478	65	16.250		1.473
40	VN0010830	<u>CN Sơn Tây</u>	Hà Nội	Số 279, 281 Chùa Thông, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	66	219	14	2.360		202
41	VN0010829	PGD Ba Vì	Hà Nội	Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 04, thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	16	54	1	670		49
42	VN0010828	PGD Lê Lợi	Hà Nội	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà số 6 Trung Vương, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	14	55	2	610		48
43	VN0010827	Hòa Lạc	Hà Nội	Tầng 1, Tòa nhà Công ty TNHH MTV Phát triển Khu CNC Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	10	95	5	980		76
44	VN0010004	<u>CN Tây Hồ</u>	Hà Nội	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4 Số 28 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.	107	247	26	2.540		271
45	VN0010013	PGD Lạc Long Quân	Hà Nội	Tầng 1, 2 Lô đất số 06 6 D9B, khu đấu giá quyền sử dụng đất, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội	12	43	2	420		34
46	VN0010032	PGD Xuân Diệu	Hà Nội	Tầng 1 và một phần diện tích tầng 2 tòa nhà số 114 Xuân Diệu, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	17	51	5	510		47
47	VN0010009	Vô Chí Công	Hà Nội	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà N01-T4 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	62	79	10	1.260		98
48	VN0010820	<u>CN Tây Hà Nội</u>	Hà Nội	Tầng 1, Tòa nhà Nam Cường KM4, đường Lê Văn Lương kéo dài, KDTM Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	83	338	44	2.730		286
49	VN0010821	PGD Hà Đông	Hà Nội	Tầng 2, số 80 Đường Lê Lợi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	36	96	10	990		101
50	VN0010882	Xuân Mai	Hà Nội	Số 51, tổ 6, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	41	141	9	1.510		131
51	VN0010824	Văn Phú	Hà Nội	Một phần tầng 1 tòa nhà CT9, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35	124	4	1.270		114

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
52	VN0010180	<u>CN Thanh Trì</u>	Hà Nội	Một phần diện tích tầng 1 và tầng 1B của tòa nhà An & Huy, thửa đất số GD1-1, GD1-2, GD1-3 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.	53	178	12	1.830		176
53	VN0010003	<u>CN Thanh Xuân</u>	Hà Nội	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	156	365	58	3.780		402
54	VN0010010	Phùng Hưng	Hà Nội	Tầng 1, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	36	134	12	1.300		111
55	VN0010014	Linh Đàm	Hà Nội	BT1, Ô4, Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.	41	122	14	1.230		110
56	VN0010017	PGD Tân Triều	Hà Nội	Số 18 đường Nghiêm Xuân Yêm, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	18	52	5	450		49
57	VN0010054	<u>CN Thăng Long</u>	Hà Nội	Số 34, Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	202	864	38	9.390		871
58	VN0010058	Thành Công	Hà Nội	Ô số 8 tầng 1, ô số 3 tầng 8 Tòa nhà Văn phòng Sông Hồng, số 165 đường Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	89	201	40	1.650		223
59	VN0010068	Lê Trọng Tấn	Hà Nội	Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	84	235	18	2.570		238
60	VN0010063	Giải Phóng	Hà Nội	Một phần tầng 1 và tầng lửng tòa nhà HH2 Dự án Khu hỗn hợp nhà ở, dịch vụ công cộng, văn phòng và trường học (tên thương mại Imperial Plaza) tại địa chỉ số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	40	139	20	1.110		124
61	VN0010074	Nhân Chính	Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà Thăng Long, Số 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	60	205	26	1.500		198
62	VN0010079	PGD Tân Mai	Hà Nội	Số 641, nhà H5, TT Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội	18	66	5	620		57
63	VN0010005	<u>CN Trần Duy Hưng</u>	Hà Nội	Tầng 1 tòa nhà số 17T2 KDT Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	104	263	54	2.520		252
64	VN0010006	PGD Láng Thượng	Hà Nội	Số 6 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	20	81	7	580		76

STT	Mã code	Tên CN PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
65	VN0010008	Xuân Thủy	Hà Nội	Nhà số 3, Lô A, Khu D6, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	69	178	21	1.850		180
66	VN0010020	PGD Nam Trung Yên	Hà Nội	Ô số 10 (Khu tái định cư Tại chỗ), đường Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	25	59	6	690		59
67	VN0010835	PGD Trung Văn	Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 phố Tố Hữu, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	21	62	9	580		58
68	VN0010950	<u>CN Sở giao dịch 3</u>	Hà Nội	Tầng 2, Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	140	416	32	4.540		391
69	VN0010920	<u>CN Hoàn Đức</u>	Hà Nội	Lô A38-NV 16 ô số 11 và ô số 12, khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, huyện Hoàn Đức, thành phố Hà Nội.	28	96	4	1.160		81
70	VN0010740	<u>CN Hưng Yên</u>	Hưng Yên	Tầng 1, tầng 5, tòa nhà Viettel Hưng Yên, số 537 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	36	171	12	1.840		142
71	VN0010741	PGD Châu Giang	Hưng Yên	Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 06, thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	30	58	1	820		69
72	VN0010742	PGD Phố Nối	Hưng Yên	Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 27, đường Nguyễn Văn Linh, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	25	74	6	800		74
73	VN0010743	PGD Văn Lâm	Hưng Yên	Phố Như Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (Thửa đất số 291, tờ bản đồ 26)	22	47	2	590		50
74	VN0010030	<u>CN Bắc Ninh</u>	Bắc Ninh	Tầng 1, Tầng 2 và Tầng 9 Tòa nhà trụ sở Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Ninh: Số 24 đường Lý Thái Tổ, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	137	283	32	3.450		337
75	VN0010029	PGD Từ Sơn	Bắc Ninh	Tầng 1, Công ty TNHH Nam Hồng, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	54	71	5	1.010		104
76	VN0010028	PGD Yên Phong	Bắc Ninh	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà tại đường 286, thôn Ngân Cầu, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	36	58	3	830		73
77	VN0010251	<u>CN Hải Phòng</u>	Hải Phòng	Tầng 1, tầng 2 và tầng 10 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Phòng, thửa đất số 06, lô 30A, khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	71	457	35	4.540		379

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bán	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
78	VN0010254	PGD Lạch Tray	Hải Phòng	Số 02B Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	10	56	1	590		45
79	VN0010257	PGD Hải An	Hải Phòng	Số 206, 216 đường Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	21	58	2	660		58
80	VN0010261	PGD Vạn Mỹ	Hải Phòng	Số 341 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	17	70	4	610		66
81	VN0010264	PGD Lê Hồng Phong	Hải Phòng	Tầng 1 toà nhà Diamond Building số A1-7, Lô 8A đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	11	56	4	520		46
82	VN0010253	<u>CN Nam Hải Phòng</u>	Hải Phòng	Tầng trệt (tầng 1), tầng 3 tòa nhà Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng, số 268 đường Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	53	182	13	2.040		176
83	VN0010256	PGD Vô Nguyên Giáp	Hải Phòng	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà tại thửa đất số 512 lô HK17 Khu dự án đô thị Ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	22	45	2	550		48
84	VN0010258	PGD Kiến An	Hải Phòng	Số 01+02/NO 05 Khu đô thị và nhà ở Cự Viên, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	16	77	1	820		72
85	VN0010252	PGD Lê Chân	Hải Phòng	Số 146 Tôn Đức Thắng, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	14	56	2	620		47
86	VN0010263	<u>CN Bắc Hải Phòng</u>	Hải Phòng	Số 5 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	51	154	19	1.650		148
87	VN0010255	PGD Thủy Nguyên	Hải Phòng	TTTM Bắc Mật, Ngã Tư TT Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.	12	58	1	590		47
88	VN0010259	PGD Thượng Lý	Hải Phòng	Nhà số BH01-51, Khu đô thị xi măng Hải Phòng (Khu đô thị Vinhomes Imperia Hải Phòng), đường Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	23	69	4	750		73
89	VN0010260	PGD Quán Toan	Hải Phòng	Số 212 đường Hùng Vương, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	14	58	7	470		51
90	VN0010270	<u>CN Hải Dương</u>	Hải Dương	Tầng 1, tầng 2 số 248 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	63	207	16	2.230		201

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bản	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
91	VN0010271	PGD Lê Thanh Nghị	Hải Dương	Số 481 - 483 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	22	58	3	630		61
92	VN0010272	PGD Chí Linh	Hải Dương	Số 10, 12 đường Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	44	58	0	970		83
93	VN0010273	PGD Kinh Môn	Hải Dương	Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 05, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	16	55	1	670		52
94	VN0010601	<u>CN Quảng Ninh</u>	Quảng Ninh	Số 156 đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	59	414	19	4.280		372
95	VN0010602	PGD Cẩm Phả	Quảng Ninh	Số 352 đường Trần Phú, tổ 7B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	15	67	3	580		61
96	VN0010604	PGD Hạ Long	Quảng Ninh	Số 328, tổ 1B, khu 6A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	24	62	2	700		65
98	VN0010606	PGD Bãi Cháy	Quảng Ninh	Số nhà 489, đường Hạ Long, tổ 8, khu 9A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	22	44	3	530		49
99	VN0010607	PGD Vân Đồn	Quảng Ninh	404-406, Tổ 1, khu 7, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	16	42	1	550		41
100	VN0010603	<u>CN Uông Bí</u>	Quảng Ninh	Số 277, đường Quang Trung, Tổ 24 A, khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.	25	120	1	1.400		92
97	VN0010605	PGD Mạo Khê	Quảng Ninh	Số 196 Ngã 4, khu Hoàng Hoa Thám, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	9	66	4	600		54
101	VN0010351	<u>CN Việt Trì</u>	Việt Trì	Số 1596 đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	43	214	19	2.190		176
102	VN0010352	PGD Phú Hộ	Việt Trì	Số 63, Khu 12, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.	9	62	2	650		50
103	VN0010353	PGD Nam Việt Trì	Việt Trì	Số 779 Đại Lộ Hùng Vương, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	8	59	3	540		46

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	L1 xl	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
104	VN0010354	PGD Đền Hùng	Việt Trì	Trạm khách T44, quân Khu II, khu 1, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	15	79	8	760		73
105	VN0010356	PGD Lâm Thao	Việt Trì	Một phần tầng 1, Số nhà 179, khu 5, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	2	56	0	570		37
106	VN0010355	<u>CN Vĩnh Phúc</u>	Vĩnh Phúc	Một phần tầng 1, tòa nhà viettel Vĩnh phúc, KĐT chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.	39	255	20	2.520		215
107	VN0010358	PGD Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Số 65 đường Trần Hưng Đạo, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	29	85	3	960		91
108	VN0010359	PGD Yên Lạc	Vĩnh Phúc	194 Dương Đình, tổ dân phố 3 Đoài, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	11	52	2	480		46
109	VN0010090	<u>CN Thái Nguyên</u>	Thái Nguyên	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 679 đường Lương Ngọc Quyến, tổ 22, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	35	199	19	1.980		157
110	VN0010091	PGD Trung Vương	Thái Nguyên	Tầng 1, Công trình Chợ Thái, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	16	63	1	730		54
111	VN0010092	PGD Hoàng Văn Thụ	Thái Nguyên	Số 65 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	17	52	2	540		48
112	VN0010093	PGD Phổ Yên	Thái Nguyên	Tổ dân phố 2, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	9	35	3	380		25
113	VN0010230	<u>CN Ninh Bình</u>	Ninh Bình	Số 1112 đường Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.	79	499	32	5.240		443
114	VN0010231	PGD Tam Điệp	Ninh Bình	Tầng 1 và 2 tòa nhà Khách sạn Xanh, phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.	20	86	4	880		81
115	VN0010232	PGD Vân Giang	Ninh Bình	Số 125 (số cũ 114) đường Vân Giang, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	33	80	8	930		82
116	VN0010233	<u>CN Ninh Bình</u>	Ninh Bình	Thửa đất số 2621 và thửa đất số 2613 tờ bản đồ số 381E, xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	18	55	5	590		52

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bản	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
117	VN0010840	<u>CN Thanh Hóa</u>	Thanh Hóa	Số 54+56+60 Trần Phú, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	73	292	22	2.870		268
118	VN0010841	PGD Phan Chu Trinh	Thanh Hóa	Số 15, Khu nhà ở TM, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	15	83	2	810		77
119	VN0010842	PGD Nghi Sơn	Thanh Hóa	Số nhà 96-98 đường Đào Duy Từ, tiểu khu 5, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	16	96	5	990		91
120	VN0010843	PGD Lam Sơn	Thanh Hóa	Tiểu khu 6, Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	12	66	1	670		57
121	VN0010810	<u>CN Nghệ An</u>	Nghệ An	Số 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	68	205	13	2.330		196
122	VN0010811	PGD Diễn Châu	Nghệ An	Khối 4, Thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	20	83	0	1.010		82
123	VN0010812	PGD Trung Đô	Nghệ An	Số 191 đường Lê Duẩn, khối 7, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	17	74	3	670		70
124	VN0010814	PGD Hà Huy Tập	Nghệ An	Tòa nhà Viettel, đường Lê Nin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	31	68	5	840		78
125	VN0010737	<u>CN Lào Cai</u>	Lào Cai	Số 119 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	39	165	7	1.870		137
126	VN0010738	PGD Phố Mới	Lào Cai	Số 074 đường Phan Đình Phùng, tổ 16, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	12	30	2	330		25
127	VN0010739	PGD Sa Pa	Lào Cai	Số 024, Phố Ngũ Chỉ Sơn, Tổ 3, Phường Sa Pa, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai	9	28	0	350		22
128	VN0010730	<u>CN Móng Cái</u>	Quảng Ninh	Số 2 đường Hùng Vương, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	40	103	5	1.270		94
129	VN0010761	<u>CN Bắc Giang</u>	Bắc Giang	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà trụ sở Viettel Bắc Giang lô A4, làn 2, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	62	260	15	2.750		249

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
130	VN0010762	PGD Lục Nam	Bắc Giang	Số 375 phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	18	60	0	670		55
131	VN0010755	<u>CN Thái Bình</u>	Thái Bình	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Thái Bình, số 431 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	57	175	19	1.960		167
132	VN0010756	PGD Hưng Hà	Thái Bình	Đường 39A, Khu Nhân cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Thửa đất số 438, tờ bản đồ số 22, số vào sổ cấp GCN: CS00910)	14	62	1	690		55
133	VN0010757	PGD Thái Thụy	Thái Bình	Tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh thái Bình	21	45	2	560		49
134	VN0010758	<u>CN Hà Tĩnh</u>	Hà Tĩnh	Số 80 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	20	183	7	1.730		146
135	VN0010759	PGD Trần Phú	Hà Tĩnh	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 5, tổ dân phố 2, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	4	30	0	330		17
136	VN0010310	PGD Đức Thọ	Hà Tĩnh	Tổ dân phố 8, đường Trần Phú, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	8	40	0	400		31
137	VN0010775	CN Nam Định	Nam Định	Một phần tầng 1, tầng 3, tòa nhà đa năng số 625 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	32	248	24	2.050		209
138	VN0010776	PGD Hải Hậu	Nam Định	Xóm 17 Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	50	70	3	1.070		97
139	VN0010777	PGD Ý Yên	Nam Định	Thửa đất số 6 M58, mặt bằng QH chi tiết cụm CN Làng Nghề TMDV Phía nam TT Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.	38	92	1	1.240		109
140	VN0010778	PGD Thành Nam	Nam Định	Số 69, phố Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	21	40	0	600		40
141	VN0010770	CN Hà Nam	Hà Nam	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Hà Nam, quốc lộ 1A đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	47	171	22	1.740		157
142	VN0010771	PGD Duy Tiên	Hà Nam	Thửa đất số 02 tờ bản đồ PL số 07, khu tập thể xí nghiệp Giồng cây trồng Trung Ương, phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	29	62	4	780		72

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
143	VN0010780	<u>CN Hòa Bình</u>	Hòa Bình	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Viettel, tổ 8, phường Quỳnh Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	71	174	5	2.250		190
144	VN0010785	<u>CN Sơn La</u>	Sơn La	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel, số 1 Chu Văn Thịnh, phường Tô hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	93	191	8	2.460		209
145	VN0010786	PGD Mộc Châu	Sơn La	Số 4 đường Lê Thanh Nghị, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	51	62	1	1.070		92
146	VN0010515	<u>CN Lạng Sơn</u>	Lạng sơn	Số 88-90 đường Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	46	95	3	1.380		94
147	VN0010520	<u>CN Tuyên Quang</u>	Tuyên Quang	Số 155, đường Bình Thuận, tổ 19, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	18	146	5	1.550		115
148	VN0010525	<u>CN Yên Bái</u>	Yên Bái	Số 736 đường Điện Biên, tổ 44, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	28	101	4	1.250		80
149	VN0010501	<u>CN Huế</u>	Huế	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	44	159	10	1.720		144
150	VN0010502	PGD Nam Vĩ Dạ	Huế	Số 109 Phạm Văn Đồng, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	14	37	0	500		30
151	VN0010503	PGD Bắc Trường Tiền	Huế	Số 67 Đinh Tiên Hoàng, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	9	38	0	420		26
152	VN0010505	PGD Nam Trường Tiền	Huế	Số 11 Lý Thường Kiệt, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	11	31	0	410		21
153	VN0010504	<u>CN Quảng Trị</u>	Quảng Trị	Số 134, quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	46	201	15	1.720		172
154	VN0010506	PGD Khe Sanh	Quảng Trị	Số 144 Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	14	51	3	520		48
155	VN0010301	<u>CN Đà Nẵng</u>	Đà Nẵng	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 6 số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	152	531	19	6.150		526

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
156	VN0010304	PGD Hòa Khánh	Đà Nẵng	563 đường Tôn Đức Thắng, tổ 50, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	29	47	0	750		53
157	VN0010305	PGD Sông Hàn	Đà Nẵng	Tầng 1, 2, 3 tòa nhà Lô 14-15 đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	44	55	2	800		76
158	VN0010308	PGD Lê Duẩn	Đà Nẵng	Kiot số 7, 8, 9, số 4 đường Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.	29	33	2	530		43
159	VN0010307	<u>CN Nam Đà nẵng</u>	Đà Nẵng	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	131	170	9	2.640		226
160	VN0010302	PGD Hải Châu	Đà Nẵng	Số 199 đường Đồng Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	54	59	3	930		90
161	VN0010306	PGD Sơn Trà	Đà Nẵng	Tầng 1, tầng lửng Tòa nhà số 222-224 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	68	64	0	1.190		109
162	VN0010309	PGD Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Tầng 1 tòa nhà Công ty cổ phần xây dựng công trình 545, số 324 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.	31	58	4	670		66
163	VN0010331	<u>CN Quảng Nam</u>	Quảng Nam	Số 284 Phan Chu Trinh, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	133	296	5	3.870		352
164	VN0010330	Hội An	Quảng Nam	Số 594 Hai Bà Trưng, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	77	136	0	1.920		152
165	VN0010333	PGD Núi Thành	Quảng Nam	Số 204 Phạm Văn Đồng, khối phố 2, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	38	59	0	890		76
166	VN0010334	PGD Duy Xuyên	Quảng Nam	Khu đô thị phố chợ Nam Phước, khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.	31	61	1	860		71
167	VN0010651	<u>CN Quảng Ngãi</u>	Quảng Ngãi	Nhà khách T50, số 168 đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	91	261	12	3.010		249
168	VN0010652	PGD Trà Khúc	Quảng Ngãi	Số 24 Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	29	72	1	870		80

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bản	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
169	VN0010653	PGD Bình Sơn	Quảng Ngãi	Số 448 Phạm Văn Đồng, Tò dân phố 4, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	17	55	0	670		55
170	VN0010654	PGD Mộ Đức	Quảng Ngãi	Thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	5	36	0	400		24
171	VN0010401	<u>CN Bình Định</u>	Bình Định	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội, số nhà 322 đường Nguyễn Thái Học, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	40	203	16	2.000		162
172	VN0010402	PGD Quy Nhơn	Bình Định	Số 285 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	21	56	5	570		54
173	VN0010403	PGD Diêu Trì	Bình Định	Số 45 Trần Phú, thôn Vân Hội 2, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.	14	54	5	520		45
174	VN0010800	<u>CN Khánh Hòa</u>	Khánh Hòa	Số 09 đường Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	102	332	12	3.780		331
175	VN0010801	PGD Nha Trang	Khánh Hòa	Số 273 đường 23/10, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	31	85	1	850		89
176	VN0010802	PGD Vĩnh Hải	Khánh Hòa	Số 554 đường 2 tháng 4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	29	72	3	840		76
177	VN0010805	PGD Hoàng Diệu	Khánh Hòa	27/21 đường 7B, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	31	48	0	780		58
178	VN0010803	<u>CN Cam Ranh</u>	Khánh Hòa	Số 151 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	59	190	8	2.050		180
179	VN0010804	PGD Hùng Vương	Khánh Hòa	Số 2136-2138 đại lộ Hùng Vương, phường Cam Lộc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	11	70	1	710		64
180	VN0010340	<u>CN Dak Lak</u>	Đắk Lắk	Số 37 Hai Bà Trưng, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	64	296	13	2.620		275
181	VN0010341	PGD Eakar	Đắk Lắk	Số 148 đường Nguyễn Tất Thành, TDP 3B, thị trấn Eakar, huyện Eakar, tỉnh Dak Lak	32	67	0	980		82

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bán	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
182	VN0010342	PGD Buôn Hồ	Đắk Lắk	Số 563 đường Hùng Vương, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	21	50	0	700		54
183	VN0010343	PGD Cư M'gar	Đắk Lắk	Số 66, đường Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	17	62	0	780		62
184	VN0010095	<u>CN Gia Lai</u>	Gia Lai	Số 08 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	48	172	15	1.700		157
185	VN0010096	PGD Pleiku	Gia Lai	Số 07 Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	20	73	5	670		72
186	VN0010709	PGD Chư Sê	Gia Lai	Số 868 đường Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	13	38	0	490		34
187	VN0010510	<u>CN Quảng Bình</u>	Quảng Bình	Số 58 đường Quang Trung, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	30	188	8	1.860		161
188	VN0010850	<u>CN Phú Yên</u>	Phú Yên	Số 99A - 101 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	66	167	6	1.990		176
189	VN0010101	<u>CN TP Hồ Chí Minh</u>	Hồ Chí Minh	Số 18B đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	319	837	71	9.620		879
190	VN0010106	Trường Chinh	Hồ Chí Minh	318 Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.	77	140	11	1.870		162
191	VN0010100	Tân Hương	Hồ Chí Minh	Số 229 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	122	170	14	2.350		227
192	VN0010113	Thống Nhất	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 số 102-104-106 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	209	135	5	3.230		289
193	VN0010704	Bình Tân	Hồ Chí Minh	Số 435, 437, 439, 441 Đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.	59	90	3	1.390		106
194	VN0010110	<u>CN Sài Gòn</u>	Hồ Chí Minh	Số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	177	991	31	10.880		967

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Li xi	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
195	VN0010116	Độc Lập	Hồ Chí Minh	Một phần tầng trệt và tầng 4, số 07 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	67	139	16	1.480		147
196	VN0010146	Bến Thành	Hồ Chí Minh	Số 414C-414D Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	43	92	5	1.190		90
197	VN0010120	Kỳ Đồng	Hồ Chí Minh	Một phần diện tích tầng 1 và toàn bộ tầng 2 tòa nhà Số 161, 163 đường Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	123	184	28	2.430		240
198	VN0010102	Hàm Nghi	Hồ Chí Minh	Tầng trệt (tầng 1), tầng 2 tòa nhà Beta số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	266	178	20	3.640		377
199	VN0010117	Khánh Hội	Hồ Chí Minh	Số 192, 194 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	110	172	17	2.070		221
200	VN0010280	<u>CN Đông Sài Gòn</u>	Hồ Chí Minh	Tầng trệt tòa nhà Số 538 đường CMT8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100	355	8	4.110		370
201	VN0010115	Tân Phú	Hồ Chí Minh	Số 835 – 837 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	52	90	6	1.190		101
202	VN0010282	Nguyễn Đình Chiểu	Hồ Chí Minh	Số 569 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	67	110	8	1.360		136
203	VN0010112	3 tháng 2	Hồ Chí Minh	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà 198A đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	70	95	13	1.340		120
204	VN0010204	Quận 10	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1 tầng 2 số 327-329 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.	57	142	30	1.330		146
205	VN0010701	<u>CN Quận 5</u>	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2 số 353 – 355 đường An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.	122	231	13	3.000		232
206	VN0010111	Nguyễn Tri Phương	Hồ Chí Minh	431-433 Nguyễn Tri Phương, Phường 08, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	48	109	8	1.360		110
207	VN0010107	Quận 6	Hồ Chí Minh	Số 10 – 12 đường Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.	74	96	5	1.520		121

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
208	VN0010702	Quận 8	Hồ Chí Minh	Số 829 - 829A đường Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	58	106	6	1.350		121
209	VN0010703	Lê Đại Hành	Hồ Chí Minh	Số 357A, 357C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.	52	81	4	1.240		90
210	VN0010151	<u>CN An Phú</u>	Hồ Chí Minh	Chung cư An Phú, KĐT An Phú - An Khánh, Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	102	250	25	2.870		213
211	VN0010155	Thủ Đức	Hồ Chí Minh	Số 282 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	71	106	13	1.480		128
212	VN0010154	Quận 9	Hồ Chí Minh	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, số 25B Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	70	123	5	1.700		140
213	VN0010157	Thảo Điền	Hồ Chí Minh	Số 65 đường Xuân Thủy, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.	64	94	6	1.410		113
214	VN0010201	<u>CN Bắc Sài Gòn</u>	Hồ Chí Minh	Số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	550	906	46	13.380		1.221
215	VN0010202	Quang Trung	Hồ Chí Minh	Số 170 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.	88	141	9	1.830		174
216	VN0010205	Quận 12	Hồ Chí Minh	Số 312 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 3, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh	62	85	5	1.350		104
217	VN0010208	PGD Bà Điểm	Hồ Chí Minh	Số 10/2A đường Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	28	38	0	600		45
218	VN0010220	<u>CN Gia Định</u>	Hồ Chí Minh	Số 3 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	128	231	35	2.470		268
219	VN0010108	Đình Tiên Hoàng	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 số 86, 88 Đình Tiên Hoàng, phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	28	103	9	1.040		88
220	VN0010114	Tân Định	Hồ Chí Minh	192 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	95	93	2	1.780		139

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
221	VN0010221	Bình Thạnh	Hồ Chí Minh	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 số 310 đường Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	74	131	12	1.580		154
222	VN0010105	Tân Cảng	Hồ Chí Minh	150-150A đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	98	134	13	1.830		177
223	VN0010103	<u>CN Sỡ Giao Dịch 2</u>	Hồ Chí Minh	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Tòa Nhà Sunny ToWer, Số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cồ Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	254	938	41	10.680		949
224	VN0010160	<u>CN Nam Sài Gòn</u>	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, Tòa nhà M Building, số 09 đường số 08, Khu A, Đô thị Mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	154	155	17	2.480		232
225	VN0010281	Tân Thuận	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 , tầng 2 và tầng 3 tòa nhà số 300, 300A, 300B đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	39	84	2	1.100		80
226	VN0010161	PGD Phú Xuân	Hồ Chí Minh	Số 2049 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.	24	29	1	480		36
227	VN0010226	<u>CN Phú Nhuận</u>	Hồ Chí Minh	Một phần tầng Trệt tòa nhà Prince Residence, số 19 - 21 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	63	125	14	1.420		135
228	VN0010223	Lê Văn Sỹ	Hồ Chí Minh	Tầng trệt, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 số 67 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	30	95	5	960		84
229	VN0010109	Tân Sơn Nhất	Hồ Chí Minh	Một phần tầng 1 tòa nhà Garden Gate, số 08 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	38	82	2	1.130		79
230	VN0010268	<u>CN Bình Chánh</u>	Hồ Chí Minh	Số 207 – 209 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	34	100	10	980		91
231	VN0010269	PGD Bình Hưng	Hồ Chí Minh	Tầng trệt (tầng 1), tầng 2 số A23/30, Quốc lộ 50, Ấp 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	13	42	0	460		34
232	VN0010275	<u>CN Tân Sài Gòn</u>	Hồ Chí Minh	Số 27/2B đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	62	116	8	1.500		119
233	VN0010276	PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Hồ Chí Minh	Số 119/2 - 119/3 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Chánh 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.	21	37	0	500		39

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lịch xi	Lịch 1 từ	Thiệp chúc Tết
234	VN0010240	<u>CN Tân Tạo</u>	Hồ Chí Minh	Số B3/16 - B3/17, quốc lộ 1A, ấp 2 xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	53	88	4	1.260		96
235	VN0010285	<u>CN Nhà Bè</u>	Hồ Chí Minh	Số 59 Khu dân cư Phú Long, đường Nguyễn Hữu Thọ, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	37	87	8	1.080		81
236	VN0010900	<u>CN Củ Chi</u>	Hồ Chí Minh	Thửa đất số 71 và 72, tờ bản đồ số 19, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	61	103	4	1.400		113
237	VN0010461	<u>CN An Giang</u>	An Giang	Số 1293 đường Trần Hưng Đạo, tổ 22, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	48	225	10	2.430		198
238	VN0010462	PGD Châu Phú	An Giang	Số 170, Quốc lộ 91, ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	7	54	0	600		40
239	VN0010464	PGD Chợ Mới	An Giang	Tỉnh lộ 942, ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	4	40	0	430		25
240	VN0010463	PGD Tân Châu 2	An Giang	Số 166 đường Tôn Đức Thắng, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.	12	39	0	500		30
241	VN0010560	<u>CN Bà Rịa</u>	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 86 - 88 đường Bạch Đằng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	61	168	9	1.990		170
242	VN0010553	PGD Phú Mỹ	Bà Rịa Vũng Tàu	Tầng trệt, Block A, lô N3, nhà ở xã hội chung cư 18 tầng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.	55	66	5	1.040		98
243	VN0010855	<u>CN Bến Tre</u>	Bến Tre	Số 90A3 đường Đại Lộ Đồng Khởi, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	38	225	6	2.440		206
244	VN0010140	<u>CN Bình Dương</u>	Bình Dương	Số 306 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	341	542	23	8.030		722
245	VN0010141	PGD Thuận An	Bình Dương	Số 9 đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	94	107	5	1.800		170
246	VN0010142	PGD Tân Uyên	Bình Dương	Số 63/2 đường DT 746, Khu phố Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	101	122	3	1.940		192

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
247	VN0010143	PGD Bến Cát	Bình Dương	Số 432 đường 30/4 khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	70	95	2	1.580		140
248	VN0010144	PGD Uyên Hưng	Bình Dương	Thửa đất số 53 tờ bản đồ 10, đường ĐT 747, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	60	97	0	1.370		132
249	VN0010660	<u>CN Bình Phước</u>	Bình phước	Thửa đất số 225; 226, tờ bản đồ số 45, đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	183	328	41	4.200		414
250	VN0010661	PGD Phước Long	Bình phước	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	52	86	4	1.200		117
251	VN0010662	PGD Bình Long	Bình phước	Thửa đất số 204, Tờ bản đồ 35, khu phố Phú Trung, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	65	67	0	1.310		113
252	VN0010765	<u>CN Bình Thuận</u>	Bình Thuận	Tầng 1(tầng trệt) tòa nhà Viettel Bình Thuận, Khu dân cư Hùng Vương, đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	124	229	6	3.240		290
253	VN0010766	PGD Bắc Bình	Bình Thuận	Số 433 đường Nguyễn Tất Thành, khu phố Xuân Hội, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	37	84	1	1.090		100
254	VN0010751	<u>CN Cà Mau</u>	Cà Mau	Số 44-46, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	29	178	7	1.790		148
255	VN0010451	<u>CN Cần Thơ</u>	Cần Thơ	Tầng 1, tầng 2 và tầng 7 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ, số 77, 77B Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	102	355	21	3.950		358
256	VN0010453	PGD Ninh Kiều	Cần Thơ	Số 122 đường 3/2, phường Hưng Lợi quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	56	54	2	960		89
257	VN0010454	PGD Thốt Nốt	Cần Thơ	553, QL91, KV Phụng Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	24	43	1	630		48
258	VN0010455	PGD Ô Môn	Cần Thơ	Số 1177 đường Tôn Đức Thắng (QL91), khu vực 11, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	7	33	0	390		19
259	VN0010452	<u>Tây Đô</u>	Cần Thơ	Số 49 Đường CMT8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	33	129	3	1.510		111

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
260	VN0010720	<u>CN Đồng Nai</u>	Đồng Nai	Số K23 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	165	512	22	6.110		562
261	VN0010722	PGD Tam Hiệp	Đồng Nai	Số 76/8 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	47	76	1	1.080		98
262	VN0010723	PGD Quyết Thắng	Đồng Nai	Số 24A đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	45	75	2	1.080		95
263	VN0010725	PGD Trảng Bom	Đồng Nai	Số 8/3A ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	41	64	3	940		84
265	VN0010721	<u>CN Long Thành</u>	Đồng Nai	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 57 (11-3) - Số 301, Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.	57	104	7	1.560		118
264	VN0010977	PGD Nhơn Trạch	Đồng Nai	Lô B-1, B-2, B-3, khu dân cư Thăng Long Home Hiệp Phước, đường TL25B, ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	9	37	0	450		23
266	VN0010710	<u>CN Đồng Tháp</u>	Đồng Tháp	Số 204-206 đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	33	155	6	1.540		143
267	VN0010711	PGD Hồng Ngự	Đồng Tháp	Số 66 - 68 đường Võ Văn Kiệt, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	5	59	3	530		37
268	VN0010718	<u>CN Kiên Giang</u>	Kiên Giang	Số 24, 26, 28 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	25	154	7	1.610		124
269	VN0010719	PGD Tân Hiệp	Kiên Giang	Số 103, ấp Đông Hưng, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	11	60	0	700		54
270	VN0010745	<u>CN Lâm Đồng</u>	Lâm Đồng	Số 26 Phan Đình Phùng, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	152	228	12	3.270		301
271	VN0010746	PGD Đức Trọng	Lâm Đồng	Số 691, Quốc lộ 20, khu phố 1, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	39	99	1	1.300		115
272	VN0010750	PGD Lâm Hà	Lâm Đồng	Số 750 Hùng Vương, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.	23	74	0	890		76

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
273	VN0010747	<u>CN Bảo Lộc</u>	Lâm Đồng	Số 33 - 35 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	159	328	8	4.280		416
274	VN0010971	PGD Di Linh	Lâm Đồng	Số 725 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	29	102	0	1.300		112
275	VN0010714	<u>CN Long An</u>	Long An	Số 32 đường Trà Quý Bình, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An	104	190	10	2.680		227
276	VN0010715	PGD Đức Hòa	Long An	Số 789E, tổ 5, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	19	120	0	1.380		116
277	VN0010724	<u>CN Long Khánh</u>	Đồng Nai	Số N6-N7 đường Hùng Vương, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	232	345	18	5.280		492
278	VN0010726	PGD Xuân Lộc	Đồng Nai	Số 132, đường Hùng Vương, khu phố 5, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	39	121	1	1.530		137
279	VN0010130	<u>CN Nam Bình Dương</u>	Bình Dương	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 4 Tòa nhà văn phòng ICD Tân Cảng - Sóng Thần - Số 7/20, đường DT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	92	140	13	2.030		169
280	VN0010203	PGD Sóng Thần	Bình Dương	20 Nguyễn An Ninh, KP Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	63	89	5	1.320		123
281	VN0010727	<u>CN Phú Quốc</u>	Kiên Giang	Số 249-251 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.	78	165	4	2.180		174
282	VN0010717	PGD An Thới	Kiên Giang	Số 54-56-58 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố 3, Phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	11	56	0	650		50
283	VN0010670	<u>CN Sóc Trăng</u>	Sóc Trăng	Số 26 Lê Duẩn, khóm 7, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	34	157	4	1.740		146
284	VN0010734	<u>CN Tây Ninh</u>	Tây Ninh	Số 360, 362, đường 30/04, khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	94	253	16	2.900		264
285	VN0010735	PGD Xa Mát	Tây Ninh	Số 68-70 đường Phạm Hùng(QL 22B), khu phố 2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	49	60	2	940		88

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
286	VN0010736	PGD Tân Châu I	Tây Ninh	Số 95 Trần Văn Trà, khu phố 2, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	30	59	3	800		70
287	VN0010733	PGD Gò Dầu	Tây Ninh	Số 195 đường Xuyên Á, Khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	46	70	1	1.110		93
288	VN0010860	<u>CN Vĩnh Long</u>	Vĩnh Long	Số 1D - 1E đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	49	158	3	1.920		154
289	VN0010748	<u>CN Tiền Giang</u>	Tiền Giang	Số 116 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	26	145	6	1.600		116
290	VN0010749	PGD Cai Lậy	Tiền Giang	Tầng trệt, tầng 2 tòa nhà công ty Cổ phần Dược phẩm CALAPHARCO, Quốc lộ 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.	8	42	0	480		33
291	VN0010970	PGD Mỹ Tho	Tiền Giang	Tầng 1, tòa nhà Viettel Tiền Giang, số 66 khu phố 5, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	6	37	0	410		26
292	VN0010551	<u>CN Vũng Tàu</u>	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 81 Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	77	359	17	3.690		347
293	VN0010552	PGD Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 153, 155 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.	32	60	7	610		71
294	VN0010554	PGD Rạch Dừa	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 478 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	24	63	2	550		66
295	VN0010555	PGD Long Điền	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 48, tổ 6, ấp lò voi, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	21	36	0	560		42
296	VN0010910	<u>CN Trà Vinh</u>	Trà Vinh	Số TRV-PG2-05, TRV-PG2-05A, TRV-PG2-06, khóm 3, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.	15	162	6	1.510		130
301	VN0010888	TTKD Private miền Bắc	Hà Nội	tầng 4 tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	5	-	0	50		5
302	VN0010666	TTKD Private miền Nam	Hồ Chí Minh	tầng 3 Tòa Nhà Sunny ToWer, Số 259 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q1, TP Hồ Chí Minh	0	-	0	-		-

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xl	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
II. HỘI SỞ					2.875	11.221	2.282	86.590	5.000	3.160
1	HO	HĐQT + Ban kiểm soát	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	711	731	86	4.350		100
2	HO	Ban Kế hoạch và Marketing	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	80	318	116	4.060		122
3	HO	Ban Khách hàng chiến lược	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	66	562	80	1.400		120
4	HO	Ban điều hành	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	450	850	100	2.500		200
5	HO	Ban Pháp chế	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	105	555	99	1.520		287
6	HO	Cơ quan Kiểm toán nội bộ	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	20	181	0	780		0
7	HO	Khối Công nghệ thông tin	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	0	1.160	0	11.600		0
8	HO	Khối Đầu tư	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	55	134	27	600		35
9	HO	Khối Hành chính	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	80	382	91	2.270		200
10	HO	Khối Khách hàng cá nhân	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	470	636	414	16.560		500
11	HO	Khối Khách hàng lớn	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	50	268	100	2.880		100
12	HO	Khối Khách hàng vừa và nhỏ	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	182	670	140	2.240		112

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
13	HO	Khối Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	40	239	52	2.040		100
14	HO	Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	10	169	32	1.240		0
15	HO	Khối Ngân hàng số	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	5	334	10	3.540		70
16	HO	Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	150	717	160	4.600		410
17	HO	Khối Quản trị rủi ro	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	10	274	112	2.740		0
18	HO	Khối Tài chính Kế toán	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	8	248	96	3.920		29
255	HO	Khối Thẩm định	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	10	570	50	5.190		100
20	HO	Khối Tổ chức Nhân sự	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	25	250	55	3.200		45
21	HO	Khối Vận hành	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	65	760	100	2.330		60
22	HO	Trung tâm phê duyệt tín dụng	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	35	110	40	1.400		35
23	HO	Văn phòng CEO	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	40	372	40	1.320		272
24	HO	Văn phòng chuyển đổi	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	8	212	50	2.120		10
25	HO	Văn phòng Hội đồng quản trị	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	5	254	32	590		20

STT	Mã code	Tên CN, PGD	Tỉnh/ TP	Địa chỉ	Số lượng dự kiến					
					Lịch bloc 365 ngày	Lịch bloc 52 tuần	Lịch bàn	Lì xì	Lịch 1 tờ	Thiệp chúc Tết
26	HO	Chủ tịch HĐQT và CEO	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	100	165	100	-	5.000	100
27	HO	Dự phòng	Hà Nội	Tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	95	100	100	1.600		133
TỔNG CỘNG					20.000	57.000	5.200	619.000	5.000	51.000

Văn bản này được trích xuất ra từ module quản lý văn bản của hệ thống M-Office bởi Lại Thị Kim Thoa_thoaltk.ho@mbbank.com.vn 11h24 ngày 14/10/2021, đảm bảo khớp đúng với nội dung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, ban hành.

Chữ ký người trích xuất văn bản:

Số chuyển hóa: 1762 (Số thứ tự.năm trích xuất).